TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2019/DS-ST.
Ngày: 14-10-2019
V/v: "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dư Mỹ Linh
2. Ông Phan Ngọc Lợi

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 14 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 154/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2019/QĐXXST-DS, ngày 23 tháng 9 năm 2019.

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S (Ngân hàng S)

Địa chỉ: Số 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ : Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà D: Ông Phạm Thái B – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần S - Chi nhánh K (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Thái B: Ông Nguyễn Ngọc Nguyên K, sinh năm: 1983 - Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch huyện G (Có mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Chị Huỳnh Thị N - Sinh năm: 1985 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 6, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên Tòa, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S, người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Ngọc Nguyên K trình bày: Vào ngày 04/5/2018, giữa Ngân hàng S và chị Huỳnh Thị N có thỏa thuận ký kết hợp

đồng tín dụng số LD 1812400529 với hình thức cho vay tín chấp số tiền gốc là 20.000.000 đồng. Thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất thỏa thuận 21%/ năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, phương thức thanh toán vốn chia đều trả hàng tháng và trả lãi hàng tháng theo dư nợ thực tế. Chị N đã nhận số tiền trên vào ngày 04/5/2019 theo giấy nhận nợ số LD 1812400529. Tuy nhiên, kể từ thời điểm vay đến nay, chị N không trả cho Ngân hàng S khoản nợ vay gốc và lãi. Ngân hàng S đã nhiều lần gặp chị N yêu cầu trả nợ nhưng chị vẫn không thực hiện. Xét thấy quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng bị xâm phạm nên Ngân hàng S đã khởi kiện yêu cầu chị Huỳnh Thị N trả khoản nợ vay trên cho Ngân hàng gồm gốc là 20.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 6.075.616 đồng, nợ lãi quá hạn là 2.763.261 đồng . Ngoài ra, Ngân hàng còn yêu cầu chị N tiếp tục trả khoản nợ lãi quá hạn phát sinh trên số dư nợ gốc đã được thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số LD 1812400529 đã ký kết.

Bị đơn chị Huỳnh Thị N không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Ngân hàng thương mại cổ phần S khởi kiện yêu cầu chị Huỳnh Thị N thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết nên đây là tranh chấp về giao dịch dân sự được quy định tại khoản 3 - Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và chị N có địa chỉ cư trú tại huyện G, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại khoản 1 - Điều 35, điểm a – khoản 01 – Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G.

Chị Huỳnh Thị N với tư cách là bị đơn trong vụ kiện.Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng chị N vắng mặt không rõ lý do. Do đó Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đã đưa vụ kiện ra xét xử vắng mặt chị N là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự .

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S về việc buộc chị Huỳnh Thị N trả khoản nợ vay với số tiền gốc theo hợp đồng tín dụng số LD 1812400529 đã được các bên ký kết ngày 04/5/2018 còn nợ là 20.000.000 đồng và nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tạm tính đến ngày 14/10/2019 là 8.838.877 đồng.Tổng cộng gốc và lãi là 28.838.877 đồng. Ngoài ra, Ngân hàng còn yêu cầu chị N phải thanh toán khoản nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng ký kết tính từ ngày 15/10/2019 cho đến khi trả xong khoản nợ trên cho Ngân hàng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, phía Ngân hàng thương mại cổ phần S đã cung cấp hợp đồng tín dụng số LD 1812400529 đã được các bên ký kết ngày 04/5/2018, giấy nhận nợ số LD 1812400529 ngày 04/5/2018 và bản kê chi tiết các khoản nợ phải trả. Phía chị N không có văn bản nào phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nên yêu cầu khởi kiện trên của Ngân hàng S là có căn cứ. Xét hợp đồng tín dụng số LD 1812400529 đã được các bên ký kết đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật nên hợp đồng vay trên được xem là hợp pháp. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ mà phía Ngân hàng cung cấp đã thể hiện chị N có nhận số tiền vay gốc là

20.000.000 đồng, tại các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng cũng thể hiện rõ phương thức trả nợ, thời hạn trả nợ, lãi suất cho vay ... Nhưng kể từ thời điểm nhận tiền cho đến nay, chị N không trả cho Ngân hàng khoản nợ gốc và lãi nào nên chị N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Căn cứ Điều 91, Điều 93, Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về chứng cứ và nghĩa vụ chứng minh của đương sự; Điều 463, 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự quy định về vay tài sản, nghĩa vụ trả nợ của bên vay, lãi suất cho vay; Khoản 02 Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi bổ sung năm 2017, quy định về việc thỏa thuận lãi suất trong hoạt động kinh doanh tín dụng; Khoản 1 Điều 7, khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S, buộc chị N trả cho Ngân hàng S khoản nợ gốc là 20.000.000 đồng và khoản nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tạm tính đến ngày 14/10/2019 là 8.838.877 đồng; Trong đó lãi trong hạn là 6.075.616 đồng, lãi quá hạn 2.763.261 đồng.

Ngoài ra, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, chị N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số LD 1812400529 ký kết ngày 04/5/2019 cho đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng S.

[3] Về án phí:

- Về án phí: Áp dụng Khoản 1 - Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 - Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền 28.838.877 đồng x 5%= 1.441.943 đồng (Làm tròn là 1.442.000 đồng).

Do yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần S được chấp nhận nên buộc chị Huỳnh Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.442.000 đồng

Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 657.000 đồng theo biên lai thu tiền số 6385 ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Căn cứ khoản 4 Điều 11, Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi bổ sung năm 2017; Khoản 1 Điều 7, khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S;

Buộc chị Huỳnh Thị N giao trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và khoản nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số LD 1812400529 tạm tính đến ngày 14/10/2019 là 8.838.877 đồng (Tám triệu, tám trăm ba mươi tám nghìn tám trăm bảy mươi bảy đồng); Trong đó lãi trong hạn là 6.075.616 đồng (Sáu triệu, không trăm bảy mươi lăm nghìn, sáu trăm mười sáu đồng), lãi quá hạn 2.763.261 đồng (Hai triệu, bảy trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm sáu mươi mốt đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, chị Huỳnh Thị N còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất đã được các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số LD 1812400529 ký kết ngày 04/5/2018 cho đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng S.

2. Về án phí: Buộc chị Huỳnh Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 1.442.000 đồng (Một triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn đồng)

Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 657.000 đồng (Sáu trăm năm mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 6385 ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 (Mười lăm) ngày; Đương sự có mặt được tính kể từ ngày tuyên án (Ngày 14-10-2019); Đương sự vắng mặt được tính kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc án bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b, 7d và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Cẩm Hương